

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/Nº: 0691/2023/SP

- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU 18-16-8+TE
Product name: NPK CA MAU 18-16-8+TE
- Khối lượng: 418 tấn
Quantity
- Thông tin sản phẩm:
- NPK Cà Mau 18-16-8+TE bao 50Kg : 418.00 tấn
NSX: 19/11/2023; HSD: 36 tháng kể từ NSX
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Ward, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Camau Fertilizer Factory - Hamlet 6, Khanh An Commue, U Minh District, Ca Mau Provine, Vietnam
- Thời gian thực hiện: 25/11/2023 12:35:47
Time of inspection
- Giám định viên: Nguyễn Ngọc Trí, Phan Hữu Lợi
Inspector
- Nội dung giám định: Theo TCCS 46:2023/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 46:2023/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	18	17.09	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	16	15.51	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	8	8.08	
4	Canxi (Ca)	TCVN 9284:2018	%	2.2	2.36	
5	Magiê (Mg)	TCVN 9285:2018	%	1.2	1.35	
6	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	500	654.0	
7	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	400	524.25	
8	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	0.7	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 46:2023/PVCFC
Conclusion In conformity with the Standard TCCS 46:2023/PVCFC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CNATCL

Deputy Manager of Process - Safety- Quality Assurance Department

Ký bởi: Nguyễn Hoàng Đờm

Ngày ký: 29/11/2023 11:01:45

Tổ chức xác thực: PVCFC CA